

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHO CÁC CÁ NHÂN (XÉT ĐỢT 11 NĂM 2024 - 30 CÁ NHÂN)

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh DD/MM/YY	CMND /Thẻ Căn cước	Trình độ chuyên môn (CĐ-CN-KS-Ths-TS)	Cơ sở đào tạo	Hệ đào tạo	Lĩnh vực cấp	Hạng cấp	Ghi chú
1	Trần Minh Đức	12/10/1977	093077008432	Kỹ sư chuyên ngành Điện - Điện tử (điện năng)	Trường Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh	Vừa làm vừa học	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
							Thiết kế cơ - điện công trình	III	
2	Phạm Thành Vũ	09/11/1991	089091013184	kỹ sư chuyên ngành xây dựng Cầu đường	Trường Đại học Cần Thơ	Chính quy	Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường bộ	II	
							Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông (đường bộ)	II	
3	Nguyễn Văn Ngoan	12/03/1980	093080009140	Kỹ sư chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trường Đại học Điện lực	Vừa làm vừa học	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
4	Trần Phong Quang	05/05/1985	092085001293	Kỹ sư chuyên ngành kỹ Thuật Điện	Trường Đại Học Cần Thơ	Chính quy	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
5	Nguyễn Đức Cường	11/03/1965	036065008196	Kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật Điện, điện tử	Trường Tôn Đức Thắng	Vừa làm vừa học	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
							Thiết kế cơ - điện công trình	III	
6	Nguyễn Hải Đăng	04/12/1991	093091008673	Kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật công trình xây dựng	Trường Đại học Cần Thơ	Chính quy	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (dân dụng, HTKT, giao thông, NN&PTNT)	III	
7	Huỳnh Trúc Linh	07/07/1985	084185007114	Kỹ sư chuyên ngành điện - điện tử (hệ thống điện)	Trường Đại học Bách khoa TP HCM	Không chính quy	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
							Thiết kế cơ - điện công trình	III	
8	Lâm Quốc Thái	13/03/1982	093082013542	Kỹ sư chuyên ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trường Đại học Điện lực	Vừa học vừa làm	Thiết kế cơ - điện công trình	III	
							Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh DD/MM/YY	CMND /Thẻ Căn cước	Trình độ chuyên môn (CĐ-CN-KS-Ths-TS)	Cơ sở đào tạo	Hệ đào tạo	Lĩnh vực cấp	Hạng cấp	Ghi chú
9	Huỳnh Văn Quý	18/12/1994	093094000796	Kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử	Trường Đại học Cần Thơ	Chính quy	Thiết kế cơ - điện công trình	III	
							Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
10	Nguyễn Văn Tiến	20/03/1981	093081003716	Kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật điện	Trường Đại học Cần Thơ	Chính quy	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
							Thiết kế cơ - điện công trình	III	
11	Nguyễn Ngọc Việt	22/10/1979	046079002563	Kỹ sư chuyên ngành điện - điện tử (hệ thống điện)	Trường Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh	Không chính quy	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
12	Nguyễn Thanh Vân	15/02/1969	093069000983	Kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật điện - điện tử (điện công nghiệp)	Trường Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh	Không chính quy	Thiết kế cơ - điện công trình	III	
13	Lưu Ngọc Phước Giàu	10/06/1983	094083007882	Kỹ sư chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trường Đại học bách khoa thành phố Hồ Chí Minh	Không chính quy	Định giá xây dựng	II	
							Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (dân dụng)	III	
14	Bùi Quốc Toàn	11/10/1980	093080013000	Kỹ sư chuyên ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trường Đại học Điện lực	Vừa làm vừa học	Thiết kế cơ - điện công trình	III	
							Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
15	Phạm Cảnh Ngô Nguyên	10/09/1977	052077000004	Kỹ sư chuyên ngành điện khí hóa và cung cấp điện	Trường Đại học sư phạm kỹ thuật TP HCM	Chính Quy	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (công nghiệp)	III	
16	Nguyễn Xuân Trọng	01/12/1970	036070019880	Kỹ sư chuyên ngành điện nông nghiệp	Trường Đại học Nông nghiệp I-Hà Nội	Chính quy	Định giá xây dựng	III	
							Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
							Thiết kế cơ - điện công trình	III	

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh DD/MM/YY	CMND /Thẻ Căn cước	Trình độ chuyên môn (CĐ-CN-KS-Ths-TS)	Cơ sở đào tạo	Hệ đào tạo	Lĩnh vực cấp	Hạng cấp	Ghi chú
17	Lê Huynh	25/02/1989	093089008374	Kỹ sư chuyên ngành điện - điện tử (điện năng)	Trường Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Thiết kế cơ - điện công trình	III	
							Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
18	Phạm Trung Tính	02/06/1993	093093010591	Kỹ sư chuyên ngành điện - điện tử (điện năng)	Trường Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh	Vừa học vừa làm	Thiết kế cơ - điện công trình	III	
							Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
19	Võ Thị Mộng Thi	12/12/1989	093189002731	Kỹ sư chuyên ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trường Đại học Điện lực	Vừa học vừa làm	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (công nghiệp)	III	
20	Nguyễn Nhựt Khuyên	01/01/1990	095090008975	Kỹ sư chuyên ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trường Đại học điện lực	Vừa làm vừa học	Định giá xây dựng	III	
							Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (công nghiệp)	III	
21	Cao Tứ Hải	26/03/1977	093077000400	Kỹ sư chuyên ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh	Vừa làm vừa học	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
22	Lê Thanh Phong	11/12/1982	093082012648	Kỹ sư chuyên ngành điện-điện tử (điện năng)	Trường Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh	Vừa làm vừa học	Định giá xây dựng	III	
							Thiết kế cơ - điện công trình	III	
							Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
23	Huỳnh Anh Kiệt	01/01/1982	093082009660	Kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật điện	Trường Đại học Cần Thơ	Chính quy	Định giá xây dựng	III	
							Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh DD/MM/YY	CMND /Thẻ Căn cước	Trình độ chuyên môn (CĐ-CN-KS-Ths-TS)	Cơ sở đào tạo	Hệ đào tạo	Lĩnh vực cấp	Hạng cấp	Ghi chú
24	Lê Văn Bé Sáu	29/01/1983	093083010650	Kỹ sư chuyên ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trường Đại học Điện lực	Vừa làm vừa học	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
25	Trần Thị Thảo Sương	16/04/1985	093185009315	Kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật điện	Trường Đại học Cần Thơ	Chính quy	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	III	
26	Ngô Chính Phúc	16/01/1983	091083013001	Kiến trúc sư chuyên ngành quy hoạch đô thị	Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh	chính quy	Thiết kế quy hoạch xây dựng	II	
27	Trương Hoàng Nhiên	19/09/1976	093076005894	Kỹ sư chuyên ngành xây dựng cầu đường bộ	Trường Đại học Giao thông vận tải	Tại chức	Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ)	II	
28	Nguyễn Văn Mùi	12/03/1980	093080005108	kỹ sư chuyên ngành Công trình nông thôn	Trường Đại học Cần Thơ	Chính quy	Thiết kế xây dựng công trình giao thông cầu	III	
							Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông (cầu)	III	
29	Phạm Ngọc Út	19/03/1981	093081011178	Kỹ sư chuyên ngành công trình nông thôn	Trường Đại học Cần Thơ	Chính quy	Thiết kế kết cấu công trình	II	

STT	Môn thi	Mã môn thi
1	Định giá xây dựng	DG01
2	Giám sát Dân dụng và Công nghiệp	GS01
3	Giám sát lắp đặt thiết bị Công trình, Công nghệ	GS02
4	Giám sát công trình giao thông cầu	GS03
5	Giám sát công trình giao thông đường sắt	GS04
6	Giám sát công trình giao thông hầm	GS05
7	Giám sát công trình NN&PTNT	GS06
8	Giám sát công trình Cảng	GS07
9	Giám sát công trình đường bộ	GS08
10	Giám sát Hạ tầng kỹ thuật cấp nước	GS09
11	Giám sát Hạ tầng kỹ thuật thoát nước	GS10
12	Giám sát Hạ tầng kỹ thuật chất thải rắn	GS11
13	Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn	KS01
14	Khảo sát địa hình	KS02
15	Kiểm định xây dựng công trình cầu	KD01
16	Kiểm định công trình xây dựng DD&CN	KD02
17	Kiểm định công trình đường sắt	KD03
18	Kiểm định công trình giao thông đường bộ	KD04
19	Kiểm định công trình NN&PTNT	KD05
20	Kiểm định công trình đường thủy	KD06
21	Kiểm định Hạ tầng kỹ thuật cấp nước	KD07
22	Kiểm định Hạ tầng kỹ thuật thoát nước	KD08
23	Kiểm định Hạ tầng kỹ thuật chất thải rắn	KD09
24	Thiết kế An toàn PCCN	TK01
25	Thiết kế Cấp thoát nước	TK02
26	Thiết kế Cầu	TK03
27	Thiết kế Điện - Cơ điện	TK04
28	Thiết kế Hầm	TK05
29	Thiết kế Thông gió - cấp thoát nhiệt	TK06
30	Thiết kế Công trình GT đường bộ	TK07
31	Thiết kế Công trình GT đường sắt	TK08
32	Thiết kế Kết cấu công trình DD&CN	TK09
33	Thiết kế Kiến trúc công trình	TK10
34	Thiết kế Quy hoạch xây dựng	TK11
35	Thiết kế cảng đường thủy	TK12
36	Thiết kế công trình NN&PTNT	TK13
37	Thiết kế Hạ tầng kỹ thuật cấp nước	TK14
38	Thiết kế Hạ tầng kỹ thuật thoát nước	TK15
39	Thiết kế Hạ tầng kỹ thuật chất thải rắn	TK16

**Chu
yên
đổi
Chứ
ng
chỉ**

- | | | |
|---|-------------------------------|------|
| 1 | PL Định giá Xây dựng | PLDG |
| 2 | PL Giám sát thi công xây dựng | PLGS |
| 3 | PL Khảo sát xây dựng | PLKS |

- 4 PL Kiểm định xây dựng
- 5 PL Thiết kế xây dựng
- 6 PL Thiết kế quy hoạch

PLKD
PLTK
PLQH
QLDA

Quản lý dự án

Hình thức dự thi
Chuyển đổi
Cấp mới

STT	Tỉnh	Mã Tỉnh	
1	Bộ Xây dựng	BXD	BXD-Bộ Xây dựng
2	An Giang	ANG	ANG-An Giang
3	Bà Rịa - Vũng Tàu	BRV	BRV-Bà Rịa - Vũng Tàu
4	Bắc Giang	BAG	BAG-Bắc Giang
5	Bắc Kạn	BAK	BAK-Bắc Kạn
6	Bạc Liêu	BAL	BAL-Bạc Liêu
7	Bắc Ninh	BAN	BAN-Bắc Ninh
8	Bến Tre	BET	BET-Bến Tre
9	Bình Định	BID	BID-Bình Định
10	Bình Dương	BDG	BDG-Bình Dương
11	Bình Phước	BIP	BIP-Bình Phước
12	Bình Thuận	BIT	BIT-Bình Thuận
13	Cà Mau	CAM	CAM-Cà Mau
14	Cao Bằng	CAB	CAB-Cao Bằng
15	Cần Thơ	CAT	CAT-Cần Thơ
16	Đà Nẵng	DNA	DNA-Đà Nẵng
17	Đắk Lắk	DAL	DAL-Đắk Lắk
18	Đắk Nông	DAN	DAN-Đắk Nông
19	Điện Biên	DIB	DIB-Điện Biên
20	Đồng Nai	DON	DON-Đồng Nai
21	Đồng Tháp	DOT	DOT-Đồng Tháp
22	Gia Lai	GIL	GIL-Gia Lai
23	Hà Giang	HAG	HAG-Hà Giang
24	Hà Nam	HNA	HNA-Hà Nam
25	Hà Nội	HAN	HAN-Hà Nội
26	Hà Tĩnh	HAT	HAT-Hà Tĩnh
27	Hải Dương	HAD	HAD-Hải Dương
28	Hải Phòng	HAP	HAP-Hải Phòng
29	Hậu Giang	HGI	HGI-Hậu Giang
30	Hòa Bình	HOB	HOB-Hòa Bình
31	Hưng Yên	HUY	HUY-Hưng Yên
32	Khánh Hòa	KHH	KHH-Khánh Hòa
33	Kiên Giang	KIG	KIG-Kiên Giang
34	Kon Tum	KOT	KOT-Kon Tum
35	Lai Châu	LAC	LAC-Lai Châu
36	Lâm Đồng	LAD	LAD-Lâm Đồng
37	Lạng Sơn	LAS	LAS-Lạng Sơn
38	Lào Cai	LCA	LCA-Lào Cai
39	Long An	LOA	LOA-Long An
40	Nam Định	NAD	NAD-Nam Định
41	Nghệ An	NGA	NGA-Nghệ An
42	Ninh Bình	NIB	NIB-Ninh Bình

43	Ninh Thuận	NIT	NIT-Ninh Thuận
44	Phú Thọ	PHT	PHT-Phú Thọ
45	Phú Yên	PHY	PHY-Phú Yên
46	Quảng Bình	QUB	QUB-Quảng Bình
47	Quảng Nam	QUN	QUN-Quảng Nam
48	Quảng Ngãi	QNG	QNG-Quảng Ngãi
49	Quảng Ninh	QNI	QNI-Quảng Ninh
50	Quảng Trị	QTR	QTR-Quảng Trị
51	Sóc Trăng	SOT	SOT-Sóc Trăng
52	Sơn La	SOL	SOL-Sơn La
53	Tây Ninh	TAN	TAN-Tây Ninh
54	Thái Bình	THB	THB-Thái Bình
55	Thái Nguyên	THN	THN-Thái Nguyên
56	Thanh Hóa	THH	THH-Thanh Hóa
57	Thừa Thiên Huế	TTH	TTH-Thừa Thiên Huế
58	Tiền Giang	TIG	TIG-Tiền Giang
59	TP.Hồ Chí Minh	HCM	HCM-TP.Hồ Chí Minh
60	Trà Vinh	TRV	TRV-Trà Vinh
61	Tuyên Quang	TUQ	TUQ-Tuyên Quang
62	Vĩnh Long	VIL	VIL-Vĩnh Long
63	Vĩnh Phúc	VIP	VIP-Vĩnh Phúc
64	Yên Bái	YEB	YEB-Yên Bái

1 Đỗ Văn Hoàng	21/4/1990	Ấp Phú Xuân, thị	125331233	0968086628
2 Lưu Văn Hòa	07/8/1989	Ấp Phú Xuân, thị	091086112	0984032333
3 Tống Mạnh Cường	13/01/1978	Ấp Phú Xuân, thị	001078001939	0989631738
4 Nguyễn Anh Tuấn	28/3/1990	Ấp Phú Xuân, thị	112386461	0988384504
5 Trịnh Thế Khang	22/4/1989	Ấp Phú Xuân, thị	001089015070	0983110566
6 Lê Văn Tấn	18/4/1986	Ấp Phú Xuân, thị	172818995	0989187834
7 Phan Đức Tâm	20/9/1981	Số 381N13, tổ 6,	087081000159	0902830008
8 Lại Văn Chính	22/11/1990	Ấp Phú Xuân, thị	034090004937	01695303402
9 Trần Lê Nam	19/3/1982	Ấp Phú Xuân, thị	B4428268	0916686781
10 Nguyễn Công Huân	22/12/1989	Ấp Phú Xuân, thị	135419218	0984093950
11 Mai Văn Đoan	24/01/1991	Ấp Phú Xuân, thị	164404511	0378662666
12 Trần Hữu Khánh	04/5/1991	Ấp Phú Xuân, thị	183901442	0982745155
13 Trần Mạnh Cần	08/11/1991	Ấp Phú Xuân, thị	163132550	0356070910
14 Vũ Tuấn Cường	05/12/1989	Ấp Phú Xuân, thị	022089001991	0356121238
15 Nguyễn Văn Thạo	21/7/1990	Ấp Phú Xuân, thị	121869306	0986443139
16 Đào Ngọc Hương	17/01/1988	Ấp Phú Xuân, thị	033088001275	0329357686
17 Đặng Thanh Tuấn	19/02/1989	Ấp Phú Xuân, thị	183764465	0943666338
18 Hoàng Quốc Đảm	15/12/1990	Ấp Phú Xuân, thị	112443816	0916953011
19 Nguyễn Huy Phong	16/6/1978	Ấp Phú Xuân, thị	030078005154	0912315513
20 Nguyễn Anh Tú	21/10/1989	Ấp Phú Xuân, thị	132040999	0977615488
21 Nguyễn Xuân Diện	20/7/1987	Ấp Phú Xuân, thị	034087006582	0912072345
22 Cao Hoàng Anh	27/01/1991	Ấp Phú Xuân, thị	001091011526	0348883711
23 Nguyễn Sỹ Nguyên	08/5/1982	Ấp Phú Xuân, thị	183344046	0916840082

ksxd.hoangdung2012@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát D II	HGI-Hậu G 5	Tổng Công
hoalv078@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 5	Tổng Công
	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 7	Tổng Công
nganhtuan90@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 5	Tổng Công
thekhang.tk@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 5	Tổng Công
tan699789@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát D II	HGI-Hậu G 7	Tổng Công
tanpd.pvcpn@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 10	Tổng Công
vanchinh221190@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 4	Tổng Công
	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 10	Tổng Công
nguyenconghuanvp89@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 6	Tổng Công
doan.mv@lilama-sh1.com.vn	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 4	Tổng Công
khanh.th@lilama-sh1.com.vn	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 4	Tổng Công
can.tm@lilama-sh1.com.vn	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 4	Tổng Công
cuong.vt@lilama-sh1.com.vn	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 5	Tổng Công
vanthaobg106@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 4	Tổng Công
daongochuonghy@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 5	Tổng Công
dangtuanlilama@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát D II	HGI-Hậu G 5	Tổng Công
damk53ksgr@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát D II	HGI-Hậu G 5	Tổng Công
phong.nh@lilama-sh1.com.vn	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 5	Tổng Công
tu.na@lilama-sh1.com.vn	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 3	Tổng Công
dien.nx@lilama-sh1.com.vn	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 6	Tổng Công
caohoanganh91@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 5	Tổng Công
nsnguyenht@gmail.com	Kỹ sư Chuyên ngành Giám sát lẻ II	HGI-Hậu G 11	Tổng Công